

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày 17-02-2023
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Phạm Xuân Hào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 233/2022/TLST-DS ngày 05/5/2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Tái H, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Điều C, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp ĐC, xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lợi Thị Mộng T, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp ĐC, xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

2. Bà Phan Kim B, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

3. Ông Điều Hồng S, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp ĐC, xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Phan Tái H trình bày:* Do có nhu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên ông H và vợ có ký hợp đồng chuyển nhượng với ông Điều C và vợ bà Lợi Thị Mộng T thửa đất số 208, tờ bản đồ số 20, 30 tọa lạc tại xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương với giá 1.030.000.000 đồng. Tuy nhiên, ghi trên hợp đồng là 1.000.000.000 đồng. Đối với số tiền 30.000.000 đồng các bên là chị ông H là bà Phan Kim B và ông Điều C có làm tờ giấy xác nhận nợ và thỏa thuận trả nợ theo đó ông Điều C còn nợ ông H số tiền 30.000.000 đồng. Hẹn mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết từ ngày 09/6/2020. Tuy nhiên, ông C mới trả được 3.000.000 đồng thì không trả nữa. Nay, ông H yêu cầu ông C trả số tiền 27.000.000 đồng. Đối với việc ông C trình bày khi chuyển nhượng các bên thỏa thuận là có tờ giấy mua bán 5m đường đi là không đúng sự thật. Vì việc chuyển nhượng chỉ liên quan tới đất chứ các bên không có thỏa thuận là việc bán 5m đường đi. Và chữ viết trên giấy hợp đồng mua bán đất là tự ông Điều C viết chứ không liên quan.

- *Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Điều C trình bày:* Ngày 09/5/2020, ông C và ông H, bà B, bà T có ký giấy nhận nợ và thỏa thuận trả nợ. Theo đó ông C còn thiếu số tiền 30.000.000 đồng của ông H, đã đưa được 3.000.000 đồng, còn nợ 27.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông C và bà B đã thỏa thuận trong hợp đồng mua bán đất ngày 09/5/2020 là bà B có trách nhiệm giao đầy đủ giấy tờ giữa bà B, ông H, ông S, ông P. Do bà B chưa giao nên ông C chưa giao số tiền 27.000.000 đồng cho ông H.

- *Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Điều Hồng S trình bày:* Trước đây ông Lê Văn P có một thửa đất phía sau nhà ông S nhưng không có đường đi vào. Do vậy, ông P có nói với ông S là trừ 5m đường đi để ông P đi vào thì ông S đồng ý và ông P có đưa cho ông S 25.000.000 đồng. Sau đó, ông P chuyển nhượng lại cho ông Phan Tái H có thỏa thuận thế nào thì ông S không biết. Hiện tại vụ việc ông Điều C có nợ 30.000.000 đồng của ông Phan Tái H thế nào thì ông S không biết cũng không liên quan. Vì việc thỏa thuận 5m đường đi là giữa ông S và ông P, còn giữa ông P với ông H, giữa ông H với ông C thế nào thì ông S không biết.

- *Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Kim B trình bày:* Ông H là em trai bà B. Do có nhu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên ông H và vợ có ký hợp đồng chuyển nhượng với ông Điều C và vợ là bà Lợi Thị Mộng T thửa đất số 208, tờ bản đồ số 20, 30 tọa lạc tại xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương với giá 1.030.000.000 đồng. Tuy nhiên, ghi trên hợp đồng là 1.000.000.000 đồng. Đối với số tiền 30.000.000 đồng các bên là bà B và ông Điều C có làm tờ giấy xác nhận nợ và thỏa thuận trả nợ theo đó ông Điều C còn nợ ông H số tiền 30.000.000 đồng. Hẹn mỗi tháng trả 3.000.000

đồng cho đến khi trả hết từ ngày 09/6/2020. Tuy nhiên, ông C mới trả được 3.000.000 đồng thì không trả nữa. Nay, ông H yêu cầu ông C trả số tiền 27.000.000 đồng cho ông H là phù hợp. Đối với việc ông C trình bày khi chuyển nhượng các bên thỏa thuận là có tờ giấy mua bán 5m đường đi là không đúng sự thật. Vì việc chuyển nhượng chỉ liên quan tới đất chứ các bên không có thỏa thuận là việc bán 5m đường đi. Và chữ viết trên giấy hợp đồng mua bán đất là tự ông Điều C viết chứ không liên quan tới ông H và bà B.

- *Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lợi Thị Mộng T trình bày:* Bà T là vợ ông Điều C, việc các bên thỏa thuận nợ số tiền 30.000.000 đồng thì bà không biết, không liên quan. Hiện tại thửa đất trên giấy hợp đồng mua bán đang đứng tên của bà.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc phần tranh luận và đối đáp, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của các đương sự thì có thể khẳng định ông Điều C còn nợ ông Phan Tái H số tiền 27.000.000 đồng. Do vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 27.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 27.000.000 đồng. Do đó, HĐXX xác định đây là tranh chấp dân sự về kiện đòi tài sản. Bị đơn hiện cư trú tại xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 27.000.000 đồng. Chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra là giấy nhận nợ và thỏa

thuận trả nợ ngày 09/5/2020 có chữ ký của bị đơn. Bị đơn thừa nhận có nợ số tiền 27.000.000 đồng của nguyên đơn, chữ ký trong giấy nhận nợ là của bị đơn.

[3.1] Sự thừa nhận của bị đơn là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Bị đơn cho rằng sở dĩ bị đơn chưa thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn là do nguyên đơn chưa đưa đủ các giấy tờ theo hợp đồng đặt cọc ngày 09/5/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn.

[3.3] HĐXX xét thấy: Việc chuyển nhượng giữa nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngày 09/5/2020 đã có hiệu lực, hiện tại thừa đất đang đứng tên của bà Lợi Thị Mộng T (vợ ông Điều C). Giấy nhận nợ và thỏa thuận trả nợ chỉ thể hiện việc ông Điều C còn nợ tiền của ông Phan Tái H số tiền 30.000.000 đồng (đã trả 3.000.000 đồng) không có nội dung nào thể hiện việc mà bị đơn trình bày. Đồng thời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lợi Thị Mộng T, ông Điều Hồng S cũng không biết về nội dung mà bị đơn ông Điều C trình bày. Do vậy, lời trình bày của bị đơn là không có chứng cứ chứng minh.

[3.4] Từ các căn cứ trên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Điều C có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 27.000.000 đồng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 71, 92, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 122, 124, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Tái H đối với bị đơn ông Điều C về “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

2. Buộc bị đơn ông Điều C phải trả cho nguyên đơn ông Phan Tái H số tiền 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho nguyên đơn số tiền 675.000 đồng (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008218 ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

Bị đơn ông Điều C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Mạnh